TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH HÓA** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 01 - 2025
"Về việc Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Vân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm;
2. Bà Tô Thị Ninh;
- Thư ký phiên toà: Bà Lý Việt Thuỳ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định hoá, tỉnh Thái Nguyên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1971 (Có mặt)
2. Bị đơn: Anh Mông Đức T, sinh năm 1972 (Vắng mặt)
Đều cư trú: Xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Toà nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên năm 1992. Hôn nhân là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân được khoảng 07 năm nay. Chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H xác định chị và anh T có 02 con chung:
- Mông Thị Hồng G sinh ngày 20/01/2004;
- Mông Đức L, sinh ngày 01/6/1994.

Hiện các con đều đã trưởng thành có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Về phía bị đơn - tại bản tự khai anh Mông Đức T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên năm 1992. Trước khi kết hôn có tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường được một thời gian thì cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nguyện vọng về đoàn tụ. Nếu chị H kiên quyết xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

- Mông Thị Hồng Giang sinh ngày 20/01/2004;
- Mông Đức L, sinh ngày 01/6/1994.

Hiện các con đều đã trưởng thành có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh T xác định vợ chồng tự thoả thuận về tài sản, không có công nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H1, trưởng xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cho biết: Anh T và chị H có sinh sống tại địa phương, thời điểm cùng nhau sinh sống có mâu thuẫn sau đó chị H làm đơn xin ly hôn nhưng bà không biết mâu thuẫn cụ thể của hai vợ chồng.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên Toà đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Mông Đức T có đơn nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Định Hóa xét xử vắng mặt anh T tại phiên Tòa là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; 144; 147; 227, 228; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Chị H và anh T đều đều xác định có 02 con chung là: Mông Thị Hồng G sinh ngày 20/01/2004 và Mông Đức L, sinh ngày 01/6/1994, các con đều đã trưởng thành có khả năng tự nuôi bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Về công nợ: Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị

H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị H và anh M Đức Thế có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên năm 1992. Trước khi kết hôn, có tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Mông Đức Thế L1 hợp pháp. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án anh Mông Đức T có đơn đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn trong vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H nhận thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Thế L1 hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, không hoà giải được dẫn đến việc chị H xin ly hôn.

Từ thời điểm Toà án thụ lý vụ án cho đến nay chị H và anh T vẫn sống ly thân, không thể hàn gắn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Anh T đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt, không tham gia phiên hoà giải, không đến phiên Toà và xác định nếu chị H kiên quyết xin ly hôn anh nhất trí. Quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, địa phương có biết. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn của chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị H cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung xét thấy: Chị H và anh T đều xác định có 02 con chung Mông Thị Hồng G sinh ngày 20/01/2004 và Mông Đức L, sinh ngày 01/6/1994 đều đã trưởng thành và có khả năng tự nuôi dưỡng bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị H xác định không có tài sản và công nợ chung, anh T xác định tự thoả thuận về tài sản, không có công nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; 144; 147; 227, 228; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H. Chị H được ly hôn anh T.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Mông Đức T có 02 con chung: Mông Thị Hồng G sinh ngày 20/01/2004 và Mông Đức L, sinh ngày 01/6/1994 đều đã trưởng thành và có khả năng tự nuôi dưỡng bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006375 ngày 02 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh T. Báo cho biết chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã Phượng Tiến;
- Các đương sự;
- lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Thu Vân